

Thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể của cụm liên kết ngành: Kinh nghiệm Nhật Bản^(*)

TS. PHẠM THỊ THANH HỒNG*

TS. NGUYỄN BÌNH GIANG**

Cụm liên kết ngành là quá trình các doanh nghiệp và các chủ thể tổ chức khác cùng tụ hợp lại trong một khu vực địa lý tập trung, hợp tác với nhau xung quanh một lĩnh vực chức năng nhất định, và tạo lập nên những mối liên kết chặt chẽ và những liên minh sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh tập thể¹. Như vậy, điều kiện đủ để một cụm liên kết ngành hình thành, và cũng là yếu tố để phân biệt cụm liên kết ngành với một hình thức đơn giản của hội tụ ngành là tập trung sản xuất, chính là sự liên kết giữa các chủ thể của vùng hội tụ ngành. Tập trung sản xuất có thể diễn ra một cách tự phát và có thể khá nhanh chóng, nhưng liên kết giữa các chủ thể lại không hề dễ hình thành. Bài viết này giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể của cụm liên kết ngành.

Từ khóa: Cụm liên kết ngành, hội tụ ngành, kinh nghiệm Nhật Bản.

1. Khái quát về chính sách phát triển cụm liên kết ngành ở Nhật Bản

Hiện tượng tập trung sản xuất vào một số khu vực nhất định đã diễn ra ở Nhật Bản từ lâu, song phải đợi đến đầu thế kỷ XXI, chịu ảnh hưởng của trào lưu phát triển các cụm liên kết ngành đang nổi lên ở các nước tiên tiến, Nhật Bản mới có chính sách phát triển cụm liên kết ngành rõ ràng và có hệ thống. Chính sách phát triển cụm liên kết ngành ở Nhật Bản có hai đặc trưng. Một là, vai trò nổi bật của Trung ương trong việc lựa chọn, triển khai các biện pháp cũng như phân bổ tài chính. Hai là, mục đích

của chính sách phát triển cụm liên kết ngành là, bằng cách tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc lập nghiệp lập ngành, hình thành nên những khu vực rộng lớn tập trung nhiều doanh nghiệp, lấy các doanh nghiệp có ưu thế cạnh tranh làm trung tâm, phát huy các tiềm năng của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mạo hiểm, các trường đại học và viện nghiên cứu².

Chiến lược phát triển cụm liên kết ngành ở Nhật Bản được chia thành ba giai đoạn. Giai đoạn 1 (2001 - 2005), là giai đoạn thành lập các cụm liên kết ngành. Năm 2001, Bộ Kinh tế và Công nghiệp đưa ra kế hoạch phát triển cụm liên kết ngành. Năm 2002, Bộ Khoa học, Giáo dục, Văn hóa-Thể thao đưa ra kế hoạch phát

* Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

** Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

^(*)Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài Mã số II.3.2-2012.15

¹ Anderson và đồng tác giả (2004).

² Bộ Kinh tế và công nghiệp Nhật Bản, http://www.meti.go.jp/policy/local_economy/tiikinnoovation/industrial_cluster.html#

Tài liệu tham khảo:

1. Bosworth, Barry (2012): *The Decline in Saving: Threat to America's Prosperity*, Washington DC, the Brookings Institution.
2. Ferguson, N. (2009): *What "Chimerica" hath wrought*, The American Interest, January – February.
3. International Monetary Fund (IMF, 2011): *World Economic Outlook*, January, International Monetary Fund, Washington, DC.
4. Kissinger, H. (2011): *Avoiding a US – China cold war*, Washington Post, 14 January.
5. Lardy, Nicholas (2012): *Sustaining China's Economic Growth After the Global Financial Crisis*, Peterson Institute for International Economics.
6. Lazear, Edward, and James Spletzer. (2012): *The United States Labor Market: Status Quo or a New Normal?*, Paper presented at the 2012 Economic Policy Symposium, Jackson Hole Wyoming, sponsored by the Kansas City Federal Reserve Bank.
7. Koopman, Robert, Zhi Wang, and Shang-Jin Wei (2012): *Journal of Development Economics* 99: pp. 178 – 189.
8. Martin, Michael (2011): *What's the Difference? Comparing U.S. and Chinese Trade Data*, Congressional Research Service (February).
9. Morrison, Wayne. (2013): *China - U.S. Trade Issues*. Congressional Research Service.
10. Thorbecke, Willem (2011): *Investigating the Effect of Exchange Rate Changes on China's Processed Exports*, *Journal of the Japanese and International Economics*, 25, 2, pp. 33 - 46.
11. Woo, Wing Thye, Ming Wu, Jeffrey Sachs, and Zhao Chen (editors) (2012): *A New Economic Growth Engine for China*, Imperial College Press and World Affairs, N. 2010, Innovation and the Visible Hand, July, Carnegie Endowment for International.
12. Anderlini, J. (2009): *China calls for new reserve currency*, Financial Times, 23 March.

Thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể của cụm liên kết ngành: Kinh nghiệm Nhật Bản^(*)

TS. PHẠM THỊ THANH HỒNG*

TS. NGUYỄN BÌNH GIANG**

Cụm liên kết ngành là quá trình các doanh nghiệp và các chủ thể tổ chức khác cùng tụ hợp lại trong một khu vực địa lý tập trung, hợp tác với nhau xung quanh một lĩnh vực chức năng nhất định, và tạo lập nên những mối liên kết chặt chẽ và những liên minh sản xuất để nâng cao năng lực cạnh tranh tập thể¹. Như vậy, điều kiện đủ để một cụm liên kết ngành hình thành, và cũng là yếu tố để phân biệt cụm liên kết ngành với một hình thức đơn giản của hội tụ ngành là tập trung sản xuất, chính là sự liên kết giữa các chủ thể của vùng hội tụ ngành. Tập trung sản xuất có thể diễn ra một cách tự phát và có thể khá nhanh chóng, nhưng liên kết giữa các chủ thể lại không dễ để hình thành. Bài viết này giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản trong việc thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể của cụm liên kết ngành.

Từ khóa: Cụm liên kết ngành, hội tụ ngành, kinh nghiệm Nhật Bản.

1. Khái quát về chính sách phát triển cụm liên kết ngành ở Nhật Bản

Hiện tượng tập trung sản xuất vào một số khu vực nhất định đã diễn ra ở Nhật Bản từ lâu, song phải đợi đến đầu thế kỷ XXI, chịu ảnh hưởng của trào lưu phát triển các cụm liên kết ngành đang nổi lên ở các nước tiên tiến, Nhật Bản mới có chính sách phát triển cụm liên kết ngành rõ ràng và có hệ thống. Chính sách phát triển cụm liên kết ngành ở Nhật Bản có hai đặc trưng. Một là, vai trò nổi bật của Trung ương trong việc lựa chọn, triển khai các biện pháp cũng như phân bổ tài chính. Hai là, mục đích

của chính sách phát triển cụm liên kết ngành là, bằng cách tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc lập nghiệp lập ngành, hình thành nên những khu vực rộng lớn tập trung nhiều doanh nghiệp, lấy các doanh nghiệp có ưu thế cạnh tranh làm trung tâm, phát huy các tiềm năng của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mạo hiểm, các trường đại học và viện nghiên cứu².

Chiến lược phát triển cụm liên kết ngành ở Nhật Bản được chia thành ba giai đoạn. Giai đoạn 1 (2001 - 2005), là giai đoạn thành lập các cụm liên kết ngành. Năm 2001, Bộ Kinh tế và Công nghiệp đưa ra kế hoạch phát triển cụm liên kết ngành. Năm 2002, Bộ Khoa học, Giáo dục, Văn hóa-Thể thao đưa ra kế hoạch phát

* Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

** Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới

^(*)Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài Mã số 11.3.2-2012.15

¹ Anderson và đồng tác giả (2004).

² Bộ Kinh tế và công nghiệp Nhật Bản, http://www.meti.go.jp/policy/local_economy/tiukinnovation/industrial_cluster.html#

triển cụm liên kết ngành tri thức. Trong giai đoạn này, chính quyền trung ương triển khai các dự án xây dựng kế hoạch, điều tra thực trạng của hội tụ ngành ở Nhật Bản và nhu cầu chính sách hội tụ ngành. Trong khi đó, chính quyền địa phương là cơ quan triển khai độc lập, liên kết chặt chẽ với các cụm liên kết ngành, hình thành các mạng lưới doanh nghiệp rõ ràng kiểu cụm liên kết ngành. Kết thúc Giai đoạn 1, kết quả quan trọng đạt được là Chính phủ Nhật Bản đã nhận thức đúng tầm quan trọng của chính sách phát triển các cụm liên kết ngành, coi nó là một bộ phận của các sáng kiến tăng trưởng kinh tế.

Thứ nhất, Chính phủ Nhật Bản lồng ghép chính sách phát triển cụm liên kết ngành với chính sách phát triển vùng (được Chính phủ nhất trí tại hội nghị cải cách toàn diện tài chính và kinh tế ngày 6/7/2006). Chiến lược tăng cường kinh tế vùng của Nhật Bản đề ra mục tiêu tăng cường và cấu trúc chặt chẽ mạng lưới phối hợp doanh nghiệp - trường đại học - chính quyền - tổ chức tài chính (*sangakukankin*) và thúc đẩy phát triển công nghệ ở từng vùng, nhờ đó lập nên 40.000 doanh nghiệp trong vòng 5 năm ở những vùng hay khu vực được lựa chọn phát triển các cụm liên kết ngành. Ngoài ra, bằng cách tăng cường phối hợp giữa các cum tri thức và cụm liên kết công nghiệp, các địa phương hình thành những cụm liên kết khoa học và công nghệ vùng.

Thứ hai, Chính phủ Nhật Bản lồng ghép chính sách phát triển cụm liên kết ngành với các kế hoạch cơ bản về khoa học và công nghệ do Bộ Giáo dục, Khoa học, Văn hóa - thể thao chủ trì (kế hoạch thứ hai từ năm 2001 và kế hoạch thứ ba từ năm 2006). Trong kế hoạch nói trên, có một nội dung tuyên bố rằng: Việc tạo lập các cụm liên kết ngành vùng đòi hỏi không chỉ có các hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) thông qua mạng lưới hợp tác doanh nghiệp - trường đại học - chính quyền - tổ chức tài chính mà còn có đa dạng các hoạt động khác như hỗ trợ về mặt tài chính theo cách thuận lợi cho các chủ thể cum liên kết ngành, thúc đẩy thành lập doanh nghiệp mới, tăng cường môi trường kinh doanh theo định hướng thị trường, và xây dựng

các mạng lưới hợp tác. Do đó, cần triển khai các sáng kiến chiến lược ở khắp các cộng đồng và các dự án dài hạn có sự phối hợp giữa các chủ thể. Chính quyền trung ương sẽ hỗ trợ các sáng kiến của địa phương, nhưng trên tinh thần các địa phương cạnh tranh đưa ra sáng kiến. Chính quyền trung ương sẽ đánh giá năng lực cạnh tranh tổng thể của từng vùng và tiến trình triển khai của từng sáng kiến rồi hỗ trợ tập trung cho các vùng có tiềm năng để hình thành nên những cụm liên kết ngành tầm cỡ thế giới. Đồng thời, chính quyền trung ương vẫn có những hỗ trợ các cụm liên kết ngành cỡ nhỏ khác trên toàn quốc.

Trong Giai đoạn 1, các sở kinh tế và công nghiệp địa phương và các cộng đồng doanh nghiệp địa phương đã phối hợp nghiên cứu và đề xuất hàng loạt dự án. Có 17 dự án thúc đẩy mạng lưới liên kết được chính quyền trung ương lựa chọn để triển khai.

Giai đoạn 2 (2006 - 2010), là giai đoạn phát triển các cụm liên kết ngành. Đây là giai đoạn vừa tiếp tục phát triển các mạng lưới doanh nghiệp vừa triển khai các ngành cụ thể; đồng thời, thúc đẩy đổi mới cách thức kinh doanh, thúc đẩy thành lập các doanh nghiệp mạo hiểm. Các dự án trong giai đoạn này có thể điều chỉnh một cách linh hoạt phù hợp với tất yếu khách quan, sẵn sàng đưa ra dự án mới.

Hiện nay, Nhật Bản đang ở giữa giai đoạn 3 (2011 - 2020), là giai đoạn tự phát triển của các cụm liên kết ngành. Trong giai đoạn này, các mạng lưới doanh nghiệp và các ngành tiếp tục phát triển, nhưng các cụm liên kết ngành sẽ dần dần phải tự lập về mặt tài chính, tiến tới tự phát triển.

Nhật Bản nhận thức rằng trong việc phát triển các cụm liên kết ngành, thì liên kết *sangakukankin* có vai trò đặc biệt quan trọng, trực tiếp thúc đẩy các doanh nghiệp giao lưu với nhau, trực tiếp giúp cho các nguồn lực và nhu cầu gặp nhau. Trong hai giai đoạn đầu (2001-2010), các chính quyền địa phương ở Nhật Bản đã có nhiều sáng kiến khác nhau để thúc đẩy mỗi liên kết này, từng bước nâng cấp liên kết

sangakukankin lên thành mạng lưới sangakukankin, lôi cuốn các viện nghiên cứu tham gia mạng lưới và thương mại hóa các phát minh, lôi cuốn các tổ chức tài chính tham gia và trở thành người cung cấp vốn.

Hình thức cơ bản của hoạt động thúc đẩy liên kết sangakukankin là lập các nhóm. Tuy nhiên, mỗi nơi có những cách thức hoạt động của nhóm khác nhau, từ nhóm nghiên cứu và phát triển chung, cho đến nhóm liên kết khác ngành, nhóm thay đổi ngành, nhóm liên kết với doanh nghiệp lớn...

2. Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp

2.1. Hợp tác nghiên cứu phát triển và thương mại hóa

Ở Nhật Bản, các doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tới 99% tổng số doanh nghiệp. Họ nhìn chung đều có những công nghệ độc lập nhất định, song việc thương mại hóa các công nghệ này lại thường không thuận lợi mà nguyên nhân chính là chi phí sản xuất ban đầu cao. Nhận thức rằng, những công nghệ như vậy có thể áp dụng cho nhiều lĩnh vực chứ không nhất thiết chỉ ở một lĩnh vực, nên các hoạt động thúc đẩy liên kết sangakukankin chú ý tới việc các doanh nghiệp liên kết với nhau trước. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thiết kế và tổ chức những sự kiện gặp gỡ nhau để trao đổi thông tin (các benkyokai, kenkyukai), những sự kiện mời các giáo sư trường đại học hoặc các nhà khoa học ở các doanh nghiệp lớn đến trình bày cho đồng thời nhiều doanh nghiệp nghe về các công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực nhất định (các koenkai hay happyokai).

Ví dụ, tại dự án Chiến lược đổi mới - sáng tạo dựa trên công nghệ thông tin Hokkaido, các doanh nghiệp cùng ngành hoặc liên quan đã tổ chức nên ba nhóm liên kết, đó là câu lạc bộ nghiên cứu mạng cảm biến môi trường, câu lạc bộ nghiên cứu nội dung số cảm xúc, và câu lạc bộ nghiên cứu công nghệ y tế. Ở các câu lạc bộ này, sẽ có những người có kiến thức về lĩnh vực liên quan làm chủ tịch, còn các doanh nghiệp thành viên của cụm liên kết ngành sẽ là hội viên. Các câu lạc bộ này không nhất thiết phải

đồng thành viên tham gia; có câu lạc bộ chỉ có 8 đến 10 doanh nghiệp tham gia. Trong một năm, câu lạc bộ có thể tổ chức từ 4 đến 5 lần mời các chuyên gia công nghệ đến diễn thuyết, trình bày, trao đổi với các hội viên.

Ở Dự án Phát triển công nghiệp chế biến chế tạo vùng Tokai, phần lớn các nhóm không thu phí hội viên, song câu lạc bộ nghiên cứu về hệ thống khung gầm ô tô thì vẫn thu phí. Các doanh nghiệp sản xuất ô tô hoặc sản xuất linh kiện ô tô ở vùng Tokai đã lập một câu lạc bộ nghiên cứu về chương trình máy tính dùng cho thiết bị phát hiện lỗi ô tô (hệ thống nhúng). Thiết bị này có liên quan đến tính mạng người sử dụng ô tô, nên phải có mức độ tin cậy cao. Từ giai đoạn thiết kế đến giai đoạn thử nghiệm đòi hỏi nhiều thời gian, và phải thử đi thử lại nhiều lần, nên các doanh nghiệp đều bản thân không đủ nhân lực để theo đuổi. Thêm vào đó, việc đào tạo các kỹ sư trẻ cho lĩnh vực này rất cần thiết. Vì thế, câu lạc bộ là hình thức giúp các doanh nghiệp cùng đóng góp nhân lực nghiên cứu và triển khai, giúp các doanh nghiệp đi sau nhận được sự chỉ bảo của các doanh nghiệp đi trước.

Ở Dự án Cụm liên kết ngành sinh học Kyushu thì có một câu lạc bộ gọi là Quán Cà phê tối về Sinh học. Câu lạc bộ này có khoảng 30 thành viên hay họp khoảng từ một tiếng rưỡi đến hai tiếng rưỡi vào tám chiều tối để trao đổi thông tin về những chủ đề nhất định liên quan đến công nghệ sinh học hoặc có khi chỉ là để gặp gỡ, giao lưu với nhau.

Tại cụm liên kết ngành thuộc Dự án thành lập xã hội thân thiện môi trường và theo hướng tái chế (vùng Chugoku), việc liên kết giữa các doanh nghiệp khác ngành để cùng nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới được tích cực thúc đẩy. Phế liệu của doanh nghiệp ngành này được nghiên cứu để dùng làm nguyên liệu cho doanh nghiệp ngành khác. Cách thức tái sử dụng-tái chế này vừa giúp cả hai doanh nghiệp giảm chi phí sản xuất vừa giúp bảo vệ môi trường.

Tại Dự án Tăng cường công nghiệp vùng, một số doanh nghiệp trong lĩnh vực cơ khí

chính xác ở Nagano đã tổ chức một câu lạc bộ gọi là DTF (Desktop Factory) để cùng nghiên cứu phát triển. Đây vừa là nơi để các thành viên mời các chuyên gia trong ngành đến giảng bài, vừa là nơi trao đổi giúp nhau nâng cao kỹ năng, vừa là nơi để các doanh nghiệp thương mại hóa các công nghệ của mình. Các hoạt động thử nghiệm công nghệ tại câu lạc bộ này được Quỹ Công nghệ Nagano tài trợ. Một trong những nguyên tắc hoạt động của DTF là từng thành viên của câu lạc bộ phải có nghĩa vụ phát biểu hoặc trình bày. Nguyên tắc này vừa đảm bảo sự đóng góp của từng thành viên, vừa đảm bảo sự gắn kết và tin tưởng giữa các thành viên. DTF vốn xuất phát từ vùng Sanwa ở Nagano, một nơi có nền cơ khí chính xác rất phát triển.

Dự án Cụm liên kết Silicon Kyushu dựa theo mô hình Silicon Valley (ở California, Mỹ). Hình thức lập nhóm ở dự án này dựa trên quan hệ bạn học cũ, những người vốn có cùng chuyên môn do cùng học ở một trường đại học hoặc cùng từng làm việc với nhau bây giờ làm việc tại các nơi khác nhau, nhà máy bán dẫn, viện nghiên cứu, trường đại học, chính quyền. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực bán dẫn nhận gia công cho doanh nghiệp lớn vừa tụ tập quanh các doanh nghiệp lớn này, vừa dựa vào mối quan hệ bạn học cũ với các chuyên gia cao cấp làm việc trong các doanh nghiệp lớn. Vì thế, mỗi liên kết giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa rất thuận lợi.

2.2. Các buổi trình diễn công nghệ

Trong một số lĩnh vực, nhất là trong công nghệ sinh học và công nghệ môi trường, công nghệ mới có thể giúp cho doanh nghiệp này sử dụng các phế thải của doanh nghiệp kia làm nguyên liệu sản xuất. Mấu chốt là các doanh nghiệp phải "gặp nhau" (business matching); một bên muốn có người giúp mình xử lý phế thải và có thể kiếm thêm doanh thu từ việc bán phế thải đó và, một bên có nhu cầu xử lý phế thải cho doanh nghiệp khác, và có thêm nguồn nguyên liệu. Một số cụm liên kết ngành ở Nhật Bản đã có hình thức tổ chức các buổi trình diễn công nghệ, tại đó các doanh nghiệp giới thiệu công nghệ mới của mình cho các doanh nghiệp

khác trong khu vực hiểu và từ đó tìm mối liên kết làm ăn. *Dự án Ươm tạo Doanh nghiệp mạo hiểm ngành Công nghệ sinh học ở vùng Kanto, Plaza Công nghiệp Môi trường và Tái chế Kyushu (K-RIP) ở Kyushu, Dự án Cụm liên kết ngành Sinh học* là những cụm liên kết ngành tiêu biểu về hình thức xúc tiến liên kết này.

K-RIP tổ chức các buổi trình diễn công nghệ như thể đều đặn hàng tháng. Các thành viên chính thức và thành viên quan sát thay nhau trình diễn. Mỗi buổi như vậy có khoảng 50 doanh nghiệp tham dự và khoảng 2 doanh nghiệp trình diễn.

Dự án Ươm tạo Doanh nghiệp mạo hiểm ngành Công nghệ sinh học ở vùng Kanto có hoạt động trình diễn công nghệ mang tên *Araiansu puromoshon* (phiên âm của Alliance Promotion nghĩa là Xúc tiến Liên minh). Các doanh nghiệp là thành viên lần lượt giới thiệu công nghệ và kế hoạch kinh doanh của mình, qua đó tìm các đối tác liên doanh trong lĩnh vực công nghệ sinh học hoặc các doanh nghiệp lớn để liên kết. Sáng kiến này đã lan rộng ra các doanh nghiệp ngành hóa được trên khắp Nhật Bản, thành phong trào Bio Japan.

Dự án Cụm liên kết ngành sinh học Kyushu thì có sáng kiến thành lập câu lạc bộ *Anchiejingu kafue* (phiên âm của Anti-aging cafe). Các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm chức năng tổ chức các buổi giới thiệu sản phẩm. Đối tượng được mời đến xem, nghe giới thiệu là khoảng 20 - 30 bà nội trợ mỗi lần. Phía doanh nghiệp thì giới thiệu sản phẩm. Phía các bà nội trợ đặt câu hỏi hoặc có phản hồi. Qua những buổi gặp gỡ như vậy, các doanh nghiệp có thông tin để nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới.

Những hình thức thúc đẩy liên kết khác bao gồm: i) Thăm quan doanh nghiệp: Các chủ thể giữ vai trò điều phối cụm liên kết ngành có thể phát bảng hỏi để điều tra nhu cầu thăm quan doanh nghiệp lớn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, rồi tổ chức các chuyến tham quan phù hợp; ii) Gửi người: Các doanh nghiệp lớn nhận người của doanh nghiệp nhỏ và vừa đến chỗ mình làm việc một thời gian vừa để nâng cao

năng lực chuyên môn vừa đề hai bên doanh nghiệp hiểu nhau. Hoặc các trường đại học nhận các chuyên gia của doanh nghiệp vào làm sau tiến sĩ ở trường mình. Phía doanh nghiệp nhờ đó nâng cao thêm trình độ nghiên cứu, trong khi phía trường đại học nâng cao thêm kỹ năng thương mại hóa. Đồng thời, cả hai bên trường và doanh nghiệp hiểu nhau hơn.

3. Thúc đẩy liên kết doanh nghiệp trường đại học

Trước đây, việc phát triển công nghệ ở Nhật Bản chủ yếu được thực hiện trong các tập đoàn lớn (keiretsu). Tuy nhiên, kinh nghiệm của Silicon Valley gắn với Đại học Stanford và kinh nghiệm của Massachusetts Route 128 gắn với Đại học Harvard và Đại học Massachusetts đã khiến Nhật Bản hiểu rằng các trường đại học mới là nguồn then chốt để có những đổi mới – sáng tạo. Thách thức lớn nhất đối với Nhật Bản chính là "khoảng cách thương mại hóa", có nghĩa là làm thế nào để những công nghệ mới và đầy hứa hẹn từ các trường đại học có thể biến thành sản phẩm được thị trường chấp nhận.

Ở Dự án Tăng cường Công nghiệp Vùng Kanto, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa đã liên kết với nhau, tổ chức các cuộc thăm quan tới các nhà máy của các doanh nghiệp lớn và tham quan các trường đại học. Qua những cuộc tham quan đó, họ phát hiện ra có những máy móc thiết bị mà các doanh nghiệp lớn, các trường đại học phải nhập khẩu từ nước ngoài với giá thành cao. Sau khi được các chuyên gia của doanh nghiệp lớn và các trường đại học giảng giải cho về cấu tạo, linh kiện, vật liệu chế tạo các máy móc đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhận thấy họ có thể sản xuất thay thế nhập khẩu và tìm cách sản xuất các máy móc này với sự hỗ trợ của các doanh nghiệp lớn và các trường đại học.

Dự án Củng cố liên kết Silicon Kyushu và Dự án tăng cường công nghiệp vùng Kanto có một cách liên kết giữa doanh nghiệp và trường đại học khá thú vị. Đó là, các doanh nghiệp thường nêu nhu cầu của mình với các trường đại học, nhờ các trường này nghiên cứu phát triển giúp.

Tiền đề thúc đẩy liên kết giữa trường đại học và doanh nghiệp ở Nhật Bản là việc các trường đại học được giữ bản quyền trí tuệ đối với các công nghệ do họ phát minh. Năm 1999, Nhật Bản ra Luật về các biện pháp đặc biệt khôi phục hoạt động công nghiệp. Luật này cho phép các trường đại học tư được phép có quyền sở hữu trí tuệ đối với các công nghệ mà họ phát minh trong các đề tài khoa học mà Nhà nước tài trợ. Năm 2004, Nhật Bản chuyển các trường đại học quốc lập thành các tổ chức pháp nhân độc lập. Từ đó, các trường đại học quốc lập được quyền sở hữu trí tuệ và được trực tiếp giao dịch với các doanh nghiệp về tiền bản quyền hoặc tiền cấp phép sử dụng công nghệ của mình. Kết quả là, hàng loạt trường đại học ở Nhật Bản lập Văn phòng Cấp phép Công nghệ để thực hiện hoạt động này.

Đại học Tokyo là đại học số một ở Nhật Bản đã thành lập Ban Quan hệ Đại học Doanh nghiệp³ và Ban này có một bộ phận quản lý sở hữu trí tuệ cho Đại học Tokyo. Dự án này còn hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu chung giữa Đại học Tokyo với các doanh nghiệp thông qua chương trình "Proprius21"⁴. Đại học Tokyo còn lập Văn phòng Cấp phép Công nghệ (gọi là "Todai TLO"⁵) để tiếp thị việc cấp phép công nghệ đối với các doanh nghiệp. Đại học Tokyo còn thành lập Quỹ Chuyển giao Công nghệ Đại học Tokyo (viết tắt là UTEC) để cấp vốn khởi nghiệp và hỗ trợ nhân lực cho các doanh nghiệp mạo hiểm gắn với Đại học Tokyo.

Sở với Đại học Tokyo, Đại học Ritsumeikan vừa là đại học tư vừa là trường địa phương. Tuy nhiên, Đại học Ritsumeikan cũng đã rất tích cực đóng góp vào thúc đẩy kinh tế địa phương bằng cách chủ động liên kết với các doanh nghiệp trong tỉnh Shiga và liên kết với các trường đại học khác của Shiga để cùng triển khai các đề tài nghiên cứu chung. Năm 2007, Đại học Ritsumeikan có 22 doanh nghiệp trong dự án ươm tạo tại campus Kusatsu của trường. Dự án này được phép sử dụng các phòng thí nghiệm

³ <http://www.ducr-u-tokyo.ac.jp/>

⁴ <http://www.ducr-u-tokyo.ac.jp/jp/research/proprius21/>

⁵ <http://www.casti.co.jp/>

và văn phòng của trường trong vòng 5 năm để hoạt động. Mục tiêu của dự án là thương mại sản phẩm cho đến khi các doanh nghiệp được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Đại học Ritsumeikan cũng tổ chức các lớp học đặc biệt cho doanh nghiệp và tổ chức cuộc thi thành lập doanh nghiệp mạo hiểm dành cho sinh viên⁶.

4. Thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp và tổ chức tài chính, chính quyền địa phương

Sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính của chính quyền địa phương có vai trò quan trọng đối với việc hình thành các cụm liên kết ngành. Đối với các tổ chức tài chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như doanh nghiệp mạo hiểm là đối tượng khách hàng nhiều rủi ro. Chính vì thế, liên kết giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với tổ chức tài chính thường không tốt. Các cụm liên kết ngành ở Nhật Bản đã tìm cách thúc đẩy liên kết này, nhưng cho đến nay hiệu quả vẫn còn thấp. Một số hình thức thúc đẩy liên kết đã được tiến hành bao gồm: i) Tổ chức hội nghị và các buổi trình diễn công nghệ tại đó, các doanh nghiệp mời các tổ chức đến, giới thiệu về công nghệ của mình cho các tổ chức tài chính nghe và đề nghị họ cấp vốn (*Dự án Phát triển công nghiệp chế biến chế tạo vùng Tokai, Dự án Thành lập các ngành chủ chốt thể hệ mới vùng Chugoku, Dự án K-RIP*); ii) Thuê một công ty trung gian đánh giá công nghệ của doanh nghiệp và gửi báo cáo cho tổ chức tài chính. Bên cạnh các công ty chuyên đánh giá, có thể có người của các trường đại học, viện nghiên cứu cũng tham gia đánh giá. Thời gian đánh giá có thể kéo dài từ 1 đến 2 tháng (*Dự án Tiên phong Kansai*); iii) Tổ chức cho doanh nghiệp gửi báo cáo quản lý chi phí dòng nguyên liệu (MFCA) và báo cáo đánh giá vòng đời sản phẩm hoặc nguyên liệu cho các tổ chức tài chính với kỳ vọng tổ chức tài chính sẽ hiểu rõ doanh nghiệp hơn và sẵn sàng cho vay hơn. (*Dự án Cụm liên kết ngành Sinh học Kansai*).

Liên kết giữa chính quyền với các chủ thể khác trong cụm liên kết ngành ở Nhật Bản được

thúc đẩy theo các cách thức sau. Cách thứ nhất, Bộ Kinh tế và Công nghiệp khuyến khích các chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch riêng của mình về phát triển cụm liên kết ngành. Đồng thời, chính quyền địa phương còn ban hành các chính sách, quy định, chế độ để hiện thực hóa kế hoạch. Trên hai cơ sở đó, chính quyền địa phương chỉ định hoặc lập ra các tổ chức nòng cốt trong triển khai kế hoạch phát triển cụm liên kết ngành ở địa bàn của mình.

Cách thứ hai, chính quyền địa phương trực tiếp tham gia vào mạng lưới liên kết. Thông qua mối quan hệ của mình với các trường đại học⁷, chính quyền địa phương khuyến khích trường đại học và doanh nghiệp liên kết với nhau. Chính quyền địa phương có thể tài trợ cho các dự án khoa học chung của doanh nghiệp và trường đại học. Chính quyền địa phương có thể tổ chức các sự kiện và mời doanh nghiệp, trường đại học, tổ chức tài chính tới dự, qua đó tạo điều kiện cho các chủ thể này giao lưu với nhau.

Như trên đã trình bày, tại Dự án Chiến lược đổi mới-sáng tạo dựa trên công nghệ thông tin Hokkaido, các doanh nghiệp cùng ngành hoặc liên quan đã tổ chức nên ba nhóm liên kết dưới hình thức các câu lạc bộ. Chính quyền tỉnh Hokkaido đã cử đại diện của mình đến các câu lạc bộ này làm quan sát viên, theo dõi các chủ đề sinh hoạt chuyên đề để đưa ra kế hoạch hỗ trợ về mặt thông tin cũng như kinh phí.

*

* *

Việt Nam đang có những bước đi đầu tiên để phát triển cụm liên kết ngành. Các lý luận về cụm liên kết ngành đã chỉ ra rằng, hai trụ cột

⁷ Ở Nhật Bản, tỉnh nào cũng có trường đại học quốc lập (do chính quyền trung ương cấp ngân sách), công lập (do chính quyền địa phương cấp ngân sách). Các trường đại học tự thực cũng hay được chính quyền các tỉnh ưu đãi.

⁶ Edgington (2008).

của cụm liên kết ngành là sự gắn gũi về mặt địa lý và sự liên kết giữa các chủ thể trong cụm. Nếu thiếu trụ cột thứ hai, sẽ không có cụm liên kết ngành thực sự mà chỉ có dạng đơn giản của hội tụ ngành. Khó có thể áp dụng rập khuôn tất cả các kinh nghiệm phát triển cụm liên kết ngành của Nhật Bản cho Việt Nam vì điều kiện

của hai nước khác nhau. Song, những sáng kiến thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể trong cụm liên kết ngành của Nhật Bản mà chúng tôi giới thiệu ở trên hoàn toàn có thể áp dụng được ở Việt Nam vì nó không đòi hỏi những thể chế nào đặc biệt, cũng không đòi hỏi sự đầu tư lớn từ ngân sách nhà nước♦

Tài liệu tham khảo:

1. Andersson, Thomas; Serger, Sylvia Schwaag; Sörvik, Jens; Hansson, Emily Wise (2004): *The cluster policy whitebook*, International Organisation for Knowledge Economy and Enterprise Development, Malmö, Sweden.
2. Arai Naoki (2007): *Nghiên cứu về đổi mới chính sách công nghiệp vùng và vai trò của chính quyền địa phương đối với hội tụ ngành* (Chiiki sangyō seisaku no henshen to sangyō shūseki ni okeru chihōjichitai no yakuwari ni kansuru ichikōsatsu), Nghiên cứu chính sách vùng, Đại học Kinh tế Takasaki, số ghép 2+3, tập 9, tháng 2, tr. 275 - 293.
3. Bộ Giáo dục, Khoa học, Văn hóa và Thể thao Nhật Bản (2010): *Báo cáo chương trình cụm liên kết ngành tri thức năm ngân sách 2010* (Heisei 22-nendo chiiki inobeshon kurasutā puroguramu).
4. Bộ Kinh tế và Công nghiệp Nhật Bản (2009): *Báo cáo chính sách cụm liên kết ngành năm 2009* (2009 Sangyō kurasutā seisaku panfuretto).
5. Bộ Kinh tế và Công nghiệp Nhật Bản (2011): *Báo cáo tổng hợp thực hiện kế hoạch trung hạn lần II - kế hoạch phát triển cụm liên kết ngành* (Sangyō kurasutā keikaku - Dainiki chūki keikaku katsudō sōkatsu).
6. Edgington, David W. (2008): *"Japanese Approaches to Technology Clusters: Implications for British Columbia"*, Canada-Asia Commentary, No. 48, February 2008.
7. Trung tâm Nghiên cứu Địa điểm Kinh doanh Nhật Bản (2010): *Kế hoạch phát triển cụm liên kết ngành: tuyển tập các kinh nghiệm tốt nhất* (Nihon ritchi sentā (2010), Sangyō kurasutā keikaku: Besutopurakuti su-shū).